

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 28/11/2020**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Mai Dương Việt Anh	Nam	31/10/2003	Nghệ An	5.7	6.5	90/QĐ08/2021	TH000091	
2	Nguyễn Trọng Nhật Anh	Nam	29/07/2003	Nghệ An	6.7	7.5	91/QĐ08/2021	TH000092	
3	Trần Tuấn Anh	Nam	30/04/2003	Nghệ An	6.7	6.5	92/QĐ08/2021	TH000093	
4	Dương Thị Vân Anh	Nữ	05/10/2003	Nghệ An	5.3	7.0	93/QĐ08/2021	TH000094	
5	Chu Văn Bản	Nam	27/03/2003	Nghệ An	6.3	6.5	94/QĐ08/2021	TH000095	
6	Võ Chí Công	Nam	30/04/2003	Nghệ An	5.3	6.5	95/QĐ08/2021	TH000096	
7	Dương Trọng Đạt	Nam	13/11/2002	Nghệ An	6.7	7.0	96/QĐ08/2021	TH000097	
8	Đinh Văn Đạt	Nam	17/02/2003	Nghệ An	5.7	6.0	97/QĐ08/2021	TH000098	
9	Đặng Văn Dương	Nam	06/08/2003	Nghệ An	5.3	6.5	98/QĐ08/2021	TH000099	
10	Chu Đức Duy	Nam	27/07/2003	Nghệ An	5.7	7.0	99/QĐ08/2021	TH000100	
11	Chu Huy Hiến	Nam	13/09/2002	Nghệ An	5.7	8.0	100/QĐ08/2021	TH000101	
12	Nguyễn Văn Hòa	Nam	22/02/2003	Nghệ An	5.3	7.0	101/QĐ08/2021	TH000102	
13	Lê Đức Hoàng	Nam	15/09/2003	Nghệ An	6.7	7.5	102/QĐ08/2021	TH000103	
14	Vương Đình Hồng	Nam	20/12/2003	Nghệ An	6.7	7.0	103/QĐ08/2021	TH000104	
15	Văn Huy Hùng	Nam	05/08/2003	Nghệ An	6.3	8.0	104/QĐ08/2021	TH000105	
16	Nguyễn Đình Long	Nam	10/03/2003	Nghệ An	6.3	6.5	105/QĐ08/2021	TH000106	
17	Đậu Đức Lưu	Nam	02/07/2003	Nghệ An	5.3	5.5	106/QĐ08/2021	TH000107	
18	Trần Văn Mạnh	Nam	26/08/2003	Nghệ An	6.7	7.5	107/QĐ08/2021	TH000108	
19	Cao Đức Ngọc	Nam	20/06/2003	Nghệ An	6.0	8.0	108/QĐ08/2021	TH000109	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
20	Đinh Văn Ngọc	Nam	11/07/2002	Nghệ An	5.7	7.0	109/QĐ08/2021	TH000110	
21	Lê Bảo Ngọc	Nam	22/11/2003	Nghệ An	5.3	7.5	110/QĐ08/2021	TH000111	
22	Trần Quốc Ngọc	Nam	16/01/2003	Nghệ An	5.3	6.5	111/QĐ08/2021	TH000112	
23	Phạm Văn Nguyên	Nam	10/01/2003	Nghệ An	6.7	7.5	112/QĐ08/2021	TH000113	
24	Dương Thị Oanh	Nam	26/02/2002	Nghệ An	5.7	7.0	113/QĐ08/2021	TH000114	
25	Cao Hữu Phong	Nam	25/10/2003	Nghệ An	7.0	8.0	114/QĐ08/2021	TH000115	
26	Nguyễn Minh Quân	Nam	01/02/2003	Nghệ An	6.7	6.0	115/QĐ08/2021	TH000116	
27	Trương Văn Sang	Nam	22/04/2003	Nghệ An	5.3	8.5	116/QĐ08/2021	TH000117	
28	Trần Hồng Sơn	Nam	02/03/2002	Hà Tĩnh	5.7	7.0	117/QĐ08/2021	TH000118	
29	Tổng Đức Thắng	Nam	04/02/2003	Nam Định	6.0	7.5	118/QĐ08/2021	TH000119	
30	Nguyễn Văn Thanh	Nam	27/01/2003	Nghệ An	6.3	7.0	119/QĐ08/2021	TH000120	
31	Cao Văn Trung	Nam	03/06/2003	Nghệ An	6.7	7.5	120/QĐ08/2021	TH000121	
32	Phan Đình Tú	Nam	16/01/2003	Nghệ An	6.7	7.0	121/QĐ08/2021	TH000122	
33	Trần Đình Tuấn	Nam	01/07/2002	Nghệ An	5.7	7.0	122/QĐ08/2021	TH000123	
34	Hoàng Minh Tuấn	Nam	19/02/2003	Nghệ An	5.7	7.0	123/QĐ08/2021	TH000124	
35	Hồ Anh Tuấn	Nam	25/09/2003	Nghệ An	5.7	7.5	124/QĐ08/2021	TH000125	
36	Phan Anh Tuấn	Nam	28/09/2003	Nghệ An	6.3	7.0	125/QĐ08/2021	TH000126	
37	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	17/10/2001	Nghệ An	5.3	7.0	126/QĐ08/2021	TH000127	
38	Lê Thị Vui	Nữ	01/11/2003	Nghệ An	6.0	8.0	127/QĐ08/2021	TH000128	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

